

L'évolution de la langue Annamite ⁽¹⁾Sự tiến-hóa của tiếng An-Nam ⁽²⁾

II

Quand la nouvelle élite formée dans les écoles françaises est enfin en mesure d'entreprendre ce travail de traduction et de vulgarisation en langue nationale nécessaire pour l'instruction de la masse, elle trouve une langue déjà à peu près prête, préparée par ses aînés, les lettrés de l'ancienne école, à recevoir ce qu'ils appellent le « nouveau savoir ». A vrai dire, les francisants qui composent cette élite, par une réaction très explicable contre l'ancienne culture lettrée et les caractères chinois, ont d'abord longtemps hésité à reconnaître cette langue nouvelle et les emprunts faits au chinois. Il y a eu, pendant un certain temps, une sorte de « querelle des anciens et des modernes » au sujet de cette question de la langue, querelle qui n'a pas duré longtemps et qui s'est dénouée par une transaction amiable. Par des concessions réciproques, les intellectuels de l'ancienne école et ceux de l'école nouvelle sont arrivés à s'entendre sur cette question importante et à collaborer ensemble au perfectionnement de la langue nationale, qui a fait, depuis ces dix ou quinze dernières années, des progrès considérables et produit une littérature nouvelle déjà très intéressante. Les ouvrages en *quốc-ngữ* se multiplient chaque jour et sont des plus variés : histoire, romans, poésies, théâtre, manuels scolaires, traductions des classiques français et chinois, etc. . . Une dizaine de journaux et de revues en langue annamite se publient à Hanoï et à Saïgon et sont lus par toutes les classes de la société, depuis le « coolie-pousse » qui, entre deux courses, s'arrête sous un arbre et lit les faits

Khi bọn tân-học ở các trường tây ra mới đủ tư-cách làm cái việc dịch-thuật truyền-bá cần cho sự phổ-thông-giáo-dục trong dân - chúng, thời đã thấy sẵn-sàng có một lối văn-từ mới, do bọn đàn anh là các nhà-nho cũ gây-dựng nên, đủ tiếp-nhận được cái học mới. Cứ thực ra thì bọn tân-học ấy là bọn học chữ tây, có ý phản-đối cái học nho và chữ nho cũ, — điều đó cũng không lấy gì làm lạ, — lúc mới đầu còn mãi chưa chịu nhận lối văn-từ mới ấy cùng những chữ mượn của Hán-văn. Trong một hồi, hai bọn học mới học cũ đã cãi-cọ nhau về cái vấn-đề văn-từ đó, nhưng mà không lâu rồi hai bên cũng châm-chuốc mà giải - hòa. Hai bên nhường - nhịn lẫn nhau, kẻ học cũ người học mới rồi cũng đồng-ý nhau về cái vấn-đề quan-trọng đó, và cùng nhau hiệp-lực rèn-tập cho tiếng nói trong nước ngày một hay một đẹp thêm ra, trong khoảng mười mười lăm năm nay đã tấn-tới lắm và sinh-sản được một lối văn-chương mới cũng khá hay. Sách quốc-ngữ bây giờ mỗi ngày một nhiều và đủ mọi thứ: sách sử, tiều-lhuyết, trí-ca, diễn-kịch, giáo-khoa, dịch các cổ-văn tây và tàu, v.v.. Ở Hà-nội và Sài-gòn có đến mười cái nhật-báo và tạp-chí bằng tiếng An-Nam, người đọc vào khắp các hạng trong xã-hội, từ tên kéo xe khi nghỉ kéo gỏi dưới gốc cây đọc những việc vật

(1) Conférence faite à l'École des Langues orientales le vendredi 26 mai 1922. — Voir la première partie dans le N° précédent (N.-P. N° 69).

(2) Xem bài thứ nhất đăng kỳ trước.

divers du jour, jusqu'au mandarin, qui, couché sur son lit de camp, déguste un article de revue ou les vers d'une jeune poétesse. Ce mouvement de renaissance ou plutôt de rénovation de la langue annamite n'est pas assez connu du public français de chez nous, même du public spécial des annamitisants. Ceux-ci, sauf quelques honorables exceptions, se contentent le plus souvent d'apprendre la langue commune, la langue courante, et s'intéressent très peu aux publications annamites. S'il leur arrive de lire quelquefois un article de journal ou de revue, s'ils sont arrêtés par un mot ou une expression sino-annamite qu'ils ne comprennent pas, ils rejettent le journal ou la revue et déclarent d'un ton péremptoire : « Mais ces gens-là n'écrivent pas l'annamite. Ils se créent une langue artificielle pour épater les gens ! » Et ils sont quittes pour nous traiter de bluffeurs ! C'est un jugement un peu trop sommaire.

Par contre, les vrais annamitisants, qu'on trouve surtout parmi les missionnaires, et qui s'intéressent réellement à l'évolution de la langue annamite, ont suivi avec beaucoup de sympathie le mouvement. Comme directeur de revue, j'ai souvent reçu des lettres de missionnaires approuvant nos efforts en vue de rénover la langue annamite et nous félicitant des résultats obtenus. L'un d'eux, le R. P. H., est peut-être le seul Européen que je connaisse qui manie notre langue avec une maîtrise parfaite, non seulement la langue courante, mais la langue littéraire des gens cultivés. Il a bien voulu me dire un jour que c'est dans nos journaux et nos revues qu'il a appris à écrire l'annamite. Et de fait, il l'écrit tout à fait comme un lettré annamite. J'ai publié de lui un article sur les « Systèmes de morale contemporains », où il fait la critique du scientisme et du déterminisme, question plutôt ardue, même pour un philosophe de pro-

hăng ngày, cho đến ông quan-lớn nằm trên sập ng' iền-ngâm một bài tạp-chí hay những câu thơ của một vị thiếu-niên nữ-sĩ nào. Cái phong-trào phục-hưng tiếng An-Nam ấy, — hay gọi là cải-lương thời đúng hơn, — người Pháp ở bên chúng tôi không mấy người biết đến, đến những hạng chuyên học về tiếng An-Nam cũng vậy. Hạng đó, trừ một số ít người sành-sỏi không kể, phần nhiều chỉ học tiếng nói thường, tiếng thông-tục, và ít khi xem đến những sách vở An - Nam. Họ có bao giờ giờ đọc một bài nhật-báo hay một bài tạp-chí, ngộ gặp phải một tiếng hay một chữ thành-ngữ bằng chữ nho không hiểu, thời vút phất ngay tờ nhật-báo hay tạp-chí đi, nói một cách quả-quyết rằng : « Sắp này không biết tiếng An-Nam. Họ đặt ra một thứ tiếng ước với nhau để lòe người ta mà thôi. » Các ông Tây ấy cho chúng tôi là một lũ « lòe » người cả, thế là xong chuyện ! Nhưng tưởng phán-đoán như thế cũng khi sơ-lược quá.

Nhưng mà những người thật biết tiếng An-Nam, nhất là các cố đạo, thật có ý xem-xét về sự tiến-hóa của tiếng An-Nam, thời đối với cái phong-trào mới ấy rất là có cảm-tình lắm. Tôi làm chủ-báo thường nhận được thơ của các cố đạo biểu-dồng-tình với chúng tôi về cái công-phu cải-lương cho tiếng An-Nam và khen chúng tôi về những sự kết-quả đã thành được. Tôi có quen ông cố H., tôi tưởng người Tây dễ duy có ông là thông-thạo tiếng An-Nam đến mực, không những thông-thuộc tiếng nói thường, mà lại sành-sỏi cả lối văn-chương của người học-thức nữa. Ông đã từng nói với tôi rằng ông sở-dĩ biết làm văn An-Nam là nhờ có các báo-chí của chúng tôi. Mà thật ông viết văn An-Nam như một tay nho-sĩ An - Nam thật. Tôi có đăng báo một bài của ông về « Các luân-lý-học-thuyết đời nay », trong

fession écrivant en français ; son exposé en annamite est tellement clair, l'emploi des termes techniques de philosophie est tellement judicieux que, malgré la complexité du sujet, il a été très bien compris de tous nos lecteurs qui le prenaient, — car il a signé d'un pseudonyme annamite — pour un écrivain de notre race.

Nous avons parlé souvent, le P. H. et moi, de l'évolution de la langue annamite et de son avenir. Il me disait : « Vous avez la bonne fortune d'avoir une écriture phonétique qui vous rapproche des écritures européennes. Ainsi, vous pouvez faire au français tous les emprunts nécessaires, les mots français passent de plein-pied dans votre *quốc-ngữ*. D'autre part, votre langue dérive en partie des caractères chinois ; les emprunts que vous pouvez faire à ceux-ci sont pour ainsi dire presque infinis, puisque les mots chinois que vous empruntez, vous les prononcez à l'annamite, et ils sont de ce fait même annamitisés. Ce sont là des avantages inappréciables. Votre langue peut ainsi s'enrichir, se renouveler indéfiniment. J'ai pleine confiance dans l'avenir de la langue annamite ».

Ces paroles encourageantes nous consolent des jugements hâtifs de personnes plus ou moins compétentes.

..

Je reviens maintenant à la question que j'ai effleurée tout à l'heure, celle des emprunts au chinois et des néologismes. J'ai dit comment notre langue, longtemps négligée par les lettrés, a été cultivée dans le peuple et quel riche fonds populaire elle possède. Ce qui lui manquait, c'est seulement le vocabulaire abstrait et technique des connaissances modernes, cet ensemble

bài ấy ông bình-phẩm về cái khoa-học chủ - nghĩa và cái định - mệnh - chủ - nghĩa, vấn - đề ấy tôi tưởng cũng khó-khăn lắm, dẫu một nhà triết-học chuyên-môn viết bằng tiếng Pháp cũng lấy làm khó thay, vậy mà lời ông biện-thuyết ra tiếng An-Nam rất là rõ-ràng, những danh-từ về triết-học ông dùng rất là thích-hợp, khiến cho một cái đề phiến-phức như thế mà ai đọc cũng phải hiểu, các bạn đọc báo chúng tôi tưởng ông là một tay văn-sĩ An-Nam, vì ông ký bằng tên hiệu An-Nam.

Cố H. với tôi thường nhiều khi nói chuyện về sự tiến-hóa tiếng An-Nam và tương-lai tiếng An-Nam thế nào. Cố nói rằng : « Các ông được cái may-mắn có một thứ chữ tiêu-âm giống như các thứ chữ Âu-châu. Như thế thì các ông cần phải mượn của chữ Pháp bao nhiêu cũng được, vì chữ Pháp tự - nhiên chuyển sang chữ quốc-ngữ được. Lại tiếng An-Nam một phần là ở chữ nho mà ra, các ông muốn mượn của chữ nho ngần nào cũng được, không có hạn-chế gì, vì những tiếng chữ nho các ông mượn ấy, các ông đọc nó ra tiếng An-Nam, thế là tiện-thị hóa ra An-Nam rồi. Đó là mấy điều tiện-lợi vô-cùng. Như thế thì tiếng nói của các ông có thể mỗi ngày thêm giàu-có, mỗi ngày thêm mới ra mãi-mãi. Tôi rất có lòng tin về cái hậu-vận tiếng An-Nam lắm. »

Mấy lời trông-lệ ấy cũng đủ bù lại những câu phán-doán vội-vàng của những kẻ mơ-hồ không biết rõ.

..

Nay tôi lại nói đến cái vấn-dề vừa kể qua lúc nãy, là vấn-dề mượn chữ nho và dùng tiếng mới. Tôi đã nói rằng tiếng quốc-âm chúng tôi, bị kẻ nho-sĩ lâu ngày nhãng-bỏ, chỉ có người dân-gian rèn-lập mà sinh - sản được một cái kho tục - ngữ giàu lắm. Duy có thiếu là chỉ thiếu những danh-từ về triết-lý khoa-học mới, thiếu những

de mots et de termes spéciaux pour désigner les idées et les inventions nouvelles. Cette lacune n'est pas, je crois, particulière à notre langue : elle est commune à toutes les langues secondaires qui n'ont pas suivi de près le progrès général des sciences et de la civilisation. J'ai montré plus haut comment nos lettrés, amenés par les circonstances à s'initier aux idées et aux connaissances modernes, ont suppléé à cette lacune en empruntant les néologismes chinois, et comment ceux-ci ont vite fait fortune en s'incorporant en quelque sorte dans la langue. On s'est demandé si ces emprunts sont rationnels, s'ils sont souhaitables. Certes, il n'est jamais souhaitable pour une langue de faire des emprunts à une autre. Mais les emprunts de l'annamite au chinois sont d'une nature très spéciale, et le fait seul que les néologismes chinois sont entrés sans difficulté, presque naturellement, dans la langue annamite, montre une affinité profonde entre les deux langues. D'ailleurs, quand on dit que l'annamite emprunte des mots au chinois, on dit une chose qui n'est pas rigoureusement exacte : la langue annamite n'emprunte pas des mots à la langue chinoise proprement dite, à la langue chinoise parlée, au *pei-houa*, qui, du reste, n'est pas la même dans toutes les provinces de la Chine ; l'annamite, comme le coréen, comme le japonais, comme le *pei-houa* lui-même, emprunte à un fonds commun, les caractères chinois, qui sont une langue morte commune à tous les peuples d'Extrême-Orient de culture et de civilisation chinoises, comme le grec et le latin, par exemple, sont des langues mortes communes aux peuples d'Occident, ou qui ont, tout au moins, contribué à former la plupart des langues européennes modernes. Quand vous empruntez à l'anglais, par exemple, des mots comme *sleeping-car*, *rocking-chair*, *smoking* ou *tea-room*, — et il semble que ce soit là maintenant la mode, puisque je vois partout des *Royal-Hôtel* et des *Cinéma-Palace*, — vous faites là ré-

chữ cùng tiếng riêng để chỉ những cái tư-tưởng cùng những sự chế-tạo mới. Sự thiếu-thốn ấy, tôi tưởng cũng không riêng gì cho một quốc-âm chúng tôi, là chung cho cả các thứ quốc-âm đứng vào bậc thứ nhì, đã không tiến-bộ được kịp với văn-minh học-thuật đời nay. Trên kia tôi đã nói rõ sở-dĩ làm sao các nhà nho chúng tôi, vì thời-thế khiến cho phải theo đòi các tư-tưởng học-thuật mới, bèn phải mượn các chữ mới của Tàu để bỏ vào sự thiếu-thốn ấy, và sở-dĩ làm sao các chữ mới ấy không mấy nổi thành ra thông-dụng và sáp-nhập hẳn vào trong quốc-âm. Có kẻ hỏi rằng sự mượn chữ như thế có hợp-lý không, có nên, có hay không? Một thứ tiếng mà phải mượn chữ của thứ tiếng khác, thì chắc là không có nên, không có hay bao giờ. Nhưng mà tiếng An-Nam mượn chữ Tàu là mượn một cách đặc-biệt lắm, và cứ xem như các chữ mới của Tàu thâm-nhập vào tiếng An-Nam không khó-khăn gì, như tự-nhiên vậy, thôi đủ biết rằng hai thứ tiếng có thanh-khi với nhau là dường nào. Và lại nói rằng tiếng An-Nam mượn tiếng Tàu là nói không được đúng lắm; tiếng An-Nam không có mượn chữ của chính tiếng Tàu, của chính tiếng *bach-thoại* là tiếng nói thường của người Tàu, tiếng *bach-thoại* ấy cũng không phải có một, vì mỗi tỉnh bên Tàu một khác nhau; tiếng An-Nam cũng như tiếng Cao-ly, cũng như tiếng Nhật-bản, cũng như tiếng *bach-thoại* của Tàu, là mượn ở một cái gốc chung gọi là chữ nho, nghĩa là một thứ tử-văn chung cho cả các dân-tộc ở Viễn-Đông theo văn-minh học-thuật của Tàu, cũng như chữ *grec* với chữ *latin* là hai thứ tử-văn chung cho các dân-tộc Thái-Tây, hay là ít ra cũng có giúp cho gây-dựng ra phần nhiều những quốc-văn của các nước Âu-châu ngày nay. Như khi các ngài mượn của tiếng Anh những chữ như *sleeping-car* (xe lửa cho

ellement des emprunts, parce que ces mots anglais passent directement en français en conservant leur orthographe et leur prononciation originales. Mais quand, poussés par la nécessité de trouver des termes adéquats pour désigner une invention ou exprimer une idée nouvelle, vous recourez au grec et au latin pour former des néologismes, comme *electro-dynamique* ou *psycho-analyse*, ce sont là, si vous voulez, des emprunts aussi, mais des emprunts d'une nature un peu spéciale, qu'il ne faut pas confondre avec les emprunts faits à l'anglais. Et s'il arrive parfois à quelques écrivains ou quelques journalistes de se moquer du jargon gréco-latin des savants et des philosophes, ils n'en reconnaissent pas moins au fond la nécessité ou la légitimité, et n'hésitent pas, le cas échéant, à employer les mêmes termes pour désigner les mêmes choses, et exprimer les mêmes idées.

Des emprunts de cette sorte aux langues anciennes, pourvu qu'ils soient faits avec choix et discernement et qu'ils répondent aux lois secrètes de l'eurythmie et de la phonétique, — car c'est là, je crois, une condition indispensable pour la création des mots nouveaux, — enrichissent la langue plutôt qu'ils ne l'encombrent ou qu'ils ne l'altèrent. Or, les emprunts de l'annamite aux caractères chinois sont exactement de même nature que ceux du français au grec ou au latin. Ainsi posée, sur son vrai terrain, la question perd de son importance et devient une chose toute naturelle, l'incorporation des caractères

phòng ngữ), *rocking chair* (ghế ngồi nằm ngửa và đưa đi đưa lại được), *smoking* (áo lễ-phục mặc buổi chiều), *tea-room* (nhà trà-quán), v. v. , — mà xem ra bây giờ thành cái « mốt » lruhành, vì đâu đâu tôi cũng thấy những chữ đề nào là *Royal-Hôtel*, nào là *Cinéma-palace*, — khi các ngài mượn như thế mới thật là mượn chữ ngoài, vì những chữ Anh ấy cứ nguyên như thế mà chuyển sang tiếng Pháp, chữ viết cách đọc cũng y như tiếng nguyên không đổi gì. Nhưng khi vì sự cần-dùng đề chỉ một sự chế-tạo mới hay một cái lý-tưởng mới, mà các ngài phải nhờ đến chữ *grec* và chữ *latin* mà đặt ra những danh-từ mới, như là *electrodynamique* (điện-động-học) hay là *psychoanalyse* (tâm-ly-phân-tích-học) thời tùy-y muốn gọi thế là mượn chữ nước ngoài cũng được, nhưng mà cũng là mượn một cách hơi đặc-biệt, không có giống như mượn ở tiếng Anh vậy. Hoặc-giả có mấy nhà làm văn, mấy nhà làm báo chế-nhạo cái cách nời câu-ký bằng chữ *grec* và chữ *latin* của các nhà bác-học triết-học, nhưng kỳ thực cũng ám-nhận rằng cách dùng chữ như thế là cần, là phải, và làm-thời chính mình cũng không từ dùng những chữ ấy đề chỉ những vật ấy, diễn những ý ấy.

Mượn chữ của các cô-văn-tự như thế, nếu biết kén chọn cho khéo, thích-hiệp với cái phép màu của âm-vận, — vì tôi tưởng đó là điều cần thứ nhất trong sự đặt ra tiếng mới, — thời làm cho tiếng mình được giàu-có thêm ra, chứ không có làm cho bẽ-bộp hay là sai-hoại đi được. Nay tiếng An-Nam mượn chữ nho cũng chẳng khác gì tiếng Pháp mượn chữ *grec* và chữ *latin* vậy. Ấy xét cái vấn-đề mượn tiếng phải xét như thế mới là đúng phương-diện, mà xét như thế thời không thành một việc to-lát nữa, thành một sự cõnhiên, vì từ xưa đến nay chữ nho vẫn

chinois dans la langue annamite se faisant de tout temps, d'une façon en quelque sorte spontanée. Si cette question a été cependant quelquefois soulevée, c'est qu'un assez grand nombre de nos jeunes compatriotes, formés exclusivement dans les écoles françaises, par une réaction naturelle contre la vieille culture chinoise et l'ancien esprit lettré, a délaissé complètement les caractères chinois, tombant ainsi dans l'erreur inverse de celle des lettrés qui ne voulaient rien entendre à l'étude du français. Ils ont finalement reconnu leur erreur, et se sont rendu compte que l'étude des caractères est indispensable à la parfaite connaissance de la langue annamite, qu'elle est tout à fait indépendante de la vieille culture scolastique des Chinois, qui, pendant des siècles, a asservi l'intelligence annamite, et qu'il faut apprendre les caractères, non pas pour eux-mêmes, mais en quelque sorte en fonction de la langue nationale qui en dérive, ce qui ne demande ni beaucoup de temps, ni beaucoup de peine. C'est ainsi qu'un grand nombre de nos jeunes francisants, après avoir conquis leur diplôme dans les écoles françaises, se remettent à apprendre les caractères, non pas à la manière des anciens lettrés qui passaient toute leur vie à commenter de vieux textes, mais comme on fait par exemple son latin au lycée ou au collège. Le Gouvernement d'Indochine a même, paraît-il, l'intention de remplacer, dans les programmes des lycées et collèges de la colonie, le grec et le latin par les caractères chinois, ce qui serait une mesure tout à fait bonne et opportune, car nos jeunes gens ont bien moins besoin des humanités gréco-latines que des humanités chinoises. Et pas plus qu'en France, le fait d'étudier le grec et le latin ne veut dire que vous subissez l'influence de la Grèce moderne ou de l'Italie, pas plus chez nous le fait d'étudier les caractères chinois ne veut dire que nous subissons l'influence de la Chine. Celle-ci a été trop néfaste pour l'évolution intellec-

sáp-nhật vào tiếng An-Nam như một cách tự-nhiên vậy. Song cái vấn-đề ấy sở dĩ có khi đề-cập tới, là bởi vì có một số nhiều những người thanh-niên trong nước chúng tôi, chỉ học ở các trường tây mà thôi, có ý tự-nhiên phản-đối nho-học và cái tinh-thần của nhà nho cũ, bỏ hẳn chữ nho không học nữa, thành ra nghịch lại nhà nho mà cũng mắc phải sự sai-lầm của nhà nho khi xưa không muốn biết đến chữ tây làm gì. Đến sau mới biết rằng làm, và hiểu rằng cần phải học chữ nho mới thuộc được hết tiếng An-Nam, biết rằng học chữ nho như thế là không có quan-hệ gì với cái cô-học phiến-toái của người Tàu, trong mấy mươi đời đã lung-lạc tinh-thần người nước Nam, học chữ nho không phải là vì chữ nho mà học, chính là vì quốc-âm mà phải học, học như thế thì không có mất nhiều thi-giờ, không có mất lâu công-phu vậy. Bởi thế nên ngày nay nhiều những người thanh-niên tây-học ở nước chúng tôi, sau khi đã được bằng tốt-nghiệp ở các trường tây, quay về học chữ nho, không phải học theo lối nhà nho cũ, cả đời chỉ nghiên-ngâm mấy quyển sách cũ, nhưng khác nào như người qui-quốc học chữ latin ở trường trung-học vậy. Nghe đâu Chính-phủ Indochine cũng có ý muốn lấy chữ nho thay vào chữ grec và latin ở chương-trình trung-học bên chúng tôi, nếu như thế thì hay và thích-hợp lắm, vì thanh-niên chúng tôi không cần cái cô-học grec và latin bằng cô-học Tàu. Như bên Pháp, các ngài học grec và latin, không ai bảo rằng các ngài phải chịu ảnh-hưởng của nước Grèce hay là nước Italie ngày nay, vậy thôi bên chúng tôi cũng thế, học chữ nho không phải là chịu ảnh-hưởng của nước Tàu. Cái ảnh-hưởng ấy xưa kia đã hại cho đường tiến-hóa về tri-thức của dân chúng tôi quá, đã nặng-nề cho chúng tôi lắm lắm, ngày nay không

tuelle de notre peuple, elle a pesé trop lourdement sur nous pour que nous y retombions encore. Mais vingt siècles de culture chinoise ont laissé malgré tout des traces ineffaçables dans notre langue, et, sous peine de la désapprendre complètement, nous sommes bien obligés d'étudier les caractères chinois comme une langue morte qui a contribué et contribue encore à former notre idiome national.

Mais si la langue annamite dérive en partie des caractères chinois qui continuent toujours à l'enrichir de mots et d'expressions nouvelles, elle commence aussi à faire des emprunts au français. Ces emprunts consistent en des traductions de mots et d'expressions françaises par des équivalents annamites, en des transcriptions de mots français en sons annamites, ou en l'incorporation pure et simple de mots français dans la langue annamite. Malgré le génie différent des deux langues, l'une polysyllabique et l'autre monosyllabique, ces emprunts deviennent, par la force des choses, de plus en plus nombreux et enrichissent notre langue dans une proportion de plus en plus considérable.

La tendance de l'évolution actuelle, en ce qui concerne les emprunts au chinois et au français, est à peu près la suivante.

Le vocabulaire abstrait, le vocabulaire d'idées, des sciences morales, politiques et philosophiques est, en grande partie, formé de caractères chinois transcrits en annamite. Cela s'explique aisément, les caractères chinois étant tous des idéogrammes, particulièrement aptes à exprimer les idées. D'ailleurs, la plupart des néologismes ainsi formés consistent en des assemblages, des accouplements de caractères déjà connus, déjà entrés dans la langue courante. Ainsi, pour vous donner un exemple du mécanisme de cette formation, la théorie de l'intuition de Bergson se traduit en sino-annamite par deux mots doubles: *trực-giác chủ-nghĩa* 直覺主義. Chacun de ces

muốn mắc vào làm gì nữa. Nhưng mà chúng tôi theo học Tàu đã hai nghìn năm, chữ Tàu đã đề dấu-vết trong tiếng chúng tôi, không thể xóa bỏ đi được, nếu bây giờ không học chữ Tàu như là học một cái cở-vấn-tự đã giúp và hiện vẫn còn giúp làm thành ra quốc-âm mình, thì quốc-âm ấy cũng đến dần dần quên hết cả.

Nhưng mà tuy một phần tiếng An-Nam là ở chữ nho mà ra, và hiện nay còn mượn những chữ những tiếng mới của chữ nho, song cũng đã bắt đầu mượn của chữ Pháp rồi. Những tiếng mượn ấy hoặc là dịch tiếng Pháp ra những tiếng An-Nam cũng giống nghĩa, hoặc là phiên-chuyển tiếng Pháp ra âm-vận An-Nam, hoặc là cứ đem tiếng Pháp y-nguyên mà sáp-nhập vào tiếng An-Nam. Hai thứ tiếng tuy tinh-thần khác hẳn, một tiếng liên-vận, một tiếng độc-vận, vậy mà vì sự cần-dùng, tiếng chúng tôi mỗi ngày cũng phải mượn nhiều chữ Pháp, thành ra nhờ đó cũng càng ngày càng được thêm giàu ra.

Về sự mượn chữ của Tàu và của Tây, cái phong-trào ngày nay xem ra khuynh-hướng như sau này.

Bao nhiêu những chữ về nghĩa-lý tu-trưởng, về các khoa luân-lý, chính-trị, triết-học, là phần-nhiều mượn ở chữ nho phiên-âm ra tiếng An-Nam. Cái đó cũng là lẽ tự-nhiên, vì chữ nho vốn là chữ biểu-ý, thật là có đủ tư-cách diễn-dịch các ý-tưởng. Và phần nhiều những danh-từ mới mượn như thế, là ghép, là hợp lại với nhau những chữ đã biết rồi, đã thông-dụng rồi. Tôi thí-dụ một chữ như sau này thì các ngài rõ cái cách-thức đặt chữ mới thế nào. Như chữ *intuition* trong học-thuyết của ông BERGSON, dịch ra chữ nho là *trực-giác chủ-nghĩa*. Hai tiếng *trực-giác* và *chủ-nghĩa* ấy là ghép bằng hai

mois est composé de deux caractères accouplés qui, pris séparément, sont communément employés dans la langue courante: *trực* veut dire « droit, direct »; *giác* veut dire « connaissance, illumination », dans le sens bouddhique: *trực-giác*, connaissance, perception directe, intuition; — *chủ-nghĩa* est composé de *chủ* « maître », *nghĩa* « idée », et veut dire une théorie, un système philosophique ayant un postulat fondamental, une idée maîtresse.

Les caractères chinois, par leur quantité formidable et la richesse infinie de leurs combinaisons, sont ainsi arrivés à traduire tous les termes techniques de la philosophie moderne comme ils étaient arrivés, il y a plus de mille ans, à traduire toute la terminologie philosophique du bouddhisme autrement abstraite et compliquée. Ces mots prononcés à l'annamite passent directement dans la langue annamite, et pour qui sait un peu les caractères chinois usuels, il n'y a qu'à les décomposer pour se rendre compte à peu près de leur signification. Ainsi, pour un Annamite d'instruction moyenne, qui n'a aucune notion de la philosophie bergsonienne, le mot *trực-giác* veut toujours dire quelque chose qu'on peut connaître directement, sans avoir besoin de beaucoup chercher ni de beaucoup raisonner. Et, c'est, je crois, à peu près la signification du mot *intuition* pour le public profane. Cette traduction sino-annamite est en tout cas plus simple, plus compréhensive, plus conforme à notre phonétique que, par exemple, la transcription pure et simple du mot *intuition* en sons annamites: *anh-tuy-si-ông*, ou qu'une longue paraphrase du sens de ce mot en annamite.

Par contre, pour le vocabulaire des sciences concrètes, physiques, chimiques, naturelles, pour les noms propres d'histoire et de géographie, l'emploi du sino-annamite n'est nullement nécessaire et les emprunts au français sont plus désirables. C'est ce que nous faisons. Tous les termes techniques que nous pouvons traduire d'une façon assez simple

chữ nhỏ, mỗi chữ lấy đời ra là vẫn thông-dụng trong khi nói thường, như *trực* nghĩa là « thẳng », *giác* nghĩa là « tỉnh », là « biết », theo như nghĩa Phật: *trực-giác* nghĩa là thẳng biết, tức là ý-nghĩa chữ *intuition*; — còn *chủ-nghĩa* thời chữ *chủ* là chủ, nghĩa là nghĩa, ai cũng biết, *chủ-nghĩa* nghĩa là một cái thuyết về triết-học có một cái ý-nghĩa làm chủ.

Chữ nhỏ số nhiều lắm và cách sắp-dặt biến-hóa vô-cùng, có thể dịch được hết những tiếng riêng thuộc về triết-học ngày nay, cũng như là hơn nghìn năm về trước đã từng dịch được hết những danh-từ về Phật-học, kể còn khó-khăn và phiền-phức hơn nhiều. Những chữ nhỏ mượn như thế mà đọc ra tiếng An-Nam thời chuyển ngay sang tiếng An-Nam, người nào đã biết một ít chữ nhỏ thường thì cứ phân-tách từng chữ ra là hiểu nghĩa ngay. Như một người An-Nam học-thức thường thường, không biết cái triết-học của ông BERGSON là gì cả, đọc chữ *trực-giác* cũng hiểu nghĩa là cái gì có thể biết thẳng ngay được, không cần phải tìm-tòi suy-nghĩ lắm. Mà tôi tưởng cái nghĩa thông-thường của chữ *intuition* đối với người bình-thường không chuyên về triết-học, đại-khái cũng như thế. Dù thế nào nữa, dùng chữ nhỏ mà dịch như thế, vẫn giản-dị, vẫn dễ hiểu, và hợp với âm-vận của chúng tôi hơn là cứ phiền-âm chữ ấy ra tiếng An-Nam, như là *anh-tuy-si-ông*, hay là diễn-giải chữ ấy ra nghĩa An-Nam bằng một câu dài.

Trái lại, thời bao nhiêu những tiếng thuộc về những khoa-học hữu-hình, như vật-lý-học, hóa-học, bác-vật-học, những tên trong lịch-sử, trong địa-dư, thì không cần gì phải mượn chữ nhỏ, mượn chữ Pháp còn hơn. Ấy chính chúng tôi vẫn làm như thế. Phạm những tiếng chuyên-môn mà chúng tôi có

et assez commode en annamite, nous le faisons : ainsi *l'aéroplane* se traduit par *tàu bay*, le bateau qui vole, — le sous-marin, par *tàu lặn*, le bateau qui plonge, etc. . . C'est très expressif et c'est très compréhensible. D'autres noms sont simplement transcrits par une sorte d'assonance : ainsi nous disons *xe ô tô* pour l'automobile, — *xe tăng*, pour le tank ou le char d'assaut, *nhà ga* pour la gare de chemin de fer, etc. . .

Toute la terminologie chimique est adoptée telle quelle, sans même avoir besoin d'être transcrite. Nous disons comme vous *chlorure de sodium*, ou *cyanure de potassium*. Nous estimons que ces mots n'ont qu'à passer tels quels dans notre langue, sans avoir à subir aucune transformation, et que même s'il y a des Annamites qui ne savent pas du tout l'alphabet français et les prononcent à la manière du *quốc-ngữ*, cette prononciation défectueuse est toujours plus approchée qu'une transcription systématique. D'ailleurs la nomenclature chimique est aujourd'hui presque universelle, et est à peu près la même dans toutes les langues. Nous n'avons qu'avantage à l'adopter telle qu'elle est en français. Nous faisons de même pour les noms propres d'histoire et de géographie, et ici nous avons un grand avantage sur le chinois et le japonais, c'est que notre *quốc-ngữ* se rapproche des écritures européennes et que nous pouvons ainsi faire passer directement les noms européens dans notre langue sans avoir besoin de les transcrire autrement. Cependant, il y a la question phonétique, qui est très importante et dont il faut tenir compte. Les syllabes françaises et les sons annamites sont tellement différents qu'un nom français prononcé à l'annamite produit souvent une cacophonie insupportable ou prête à des interprétations fâcheuses. Je vous cite une anecdote vraiment caractéristique que je tiens d'un haut mandarin de la cour de Hué. On venait d'apprendre à la cour la nomination de M. Doumer comme Gouverneur général. Les ministres, membres du Conseil

thể dịch ra tiếng An-Nam gọn-ghe được chúng tôi đều dịch cả: như *aéroplane* dịch là *tàu bay*, *sous marin* dịch là *tàu lặn*, v. v. Tương cũng có ý-nghĩa và cũng dễ hiểu lắm. Còn nhiều tiếng khác thời cứ chuyển-âm nó lơ-lơ đi: như *automobile* thì gọi là «xe ô-tô», *tank* thì gọi là «xe tăng», *gare* thì gọi là «nhà ga».

Bao nhiêu những tiếng về hóa-học cứ theo y-nguyên như chữ Pháp, không cần phải dịch âm ra nữa. Chúng tôi cũng nói *chlorure de sodium* hay là *cyanure de potassium* như các ngài. Chúng tôi tưởng rằng những tiếng ấy cứ thế mà chuyển qua tiếng chúng tôi được, không cần phải biến-đổi gì cả, và dẫu có người An-Nam không biết tí văn tây nào mà đọc những tiếng ấy theo văn quốc-ngữ, thời cách đọc ấy dẫu có sai nhưng cũng còn gần với nguyên-âm hơn là cố-y phiên-âm ra tiếng An-Nam. Và lại những danh-hiệu về hóa-học bây giờ là chung cho cả thế-giới, dẫu tiếng nước nào cũng hơi giống-giống nhau cả. Chúng tôi cứ việc theo như tiếng Pháp là tiện-lợi hơn. Những tên về lịch-sử địa-dư, chúng tôi cũng làm như thế, và dẫu lại được một điều tiện-lợi hơn chữ Tàu và chữ Nhật, là chữ quốc-ngữ chúng tôi cách viết giống các chữ Âu-châu, có thể cứ đem thẳng những tên tây vào tiếng An-Nam được, không cần phải phiên-dịch gì cả. Song còn cái thanh-âm cũng quan-hệ lắm, phải nên chăm-chước. Văn Pháp với âm An-Nam khác nhau lắm, đến nỗi một tên tây đọc ra tiếng An-Nam nhiều khi khó đọc cho xuôi và lại khiến cho người ta hiểu ra nghĩa xấu. Tôi kể các ngài nghe một câu chuyện như sau này để làm tiêu-biểu, chuyện ấy do một ông quan to ở Triều-đình Hué đã thuật lại cho tôi. Bấy giờ là hồi quan Toàn-quyền DOUMER mới được

secret, demandèrent au mandarin dont j'ai parlé quel était le nom du nouveau gouverneur. « C'est M. Doumer », dit-il. Les ministres, qui étaient de vieux mandarins, ayant aucune connaissance du français, se regardèrent avec étonnement : « M. Doumer, M. Doumer, mais ce n'est pas possible qu'un gouverneur général s'appelle comme cela, ce n'est pas possible ! » En effet, le mot « Doumer » prononcé à l'annamite se rapproche d'un juron très grossier, employé par les gens de la plus basse classe. Pour un Annamite, il a un sens nettement péjoratif. Aussi le mandarin qui parlait français avait beau affirmer que c'était bien là le nom du nouveau gouverneur général, les vieux ministres ne voulurent rien entendre. Finalement, on se concerta pour donner à M. Doumer un autre nom plus agréable et ayant un sens moins fâcheux. On trouva deux mots sino-annamites : « *Đô-mĩ* », qui veut dire « de toute beauté ». Ainsi l'honneur de M. Doumer fut sauvé, et le pont de 1.800 m. qu'il fit construire sur le Fleuve rouge, porte encore aujourd'hui le nom de « *Cầu Đô-mĩ* » (le Pont de toute beauté).

Vous voyez par cet exemple combien sont importantes ces questions de phonétique et quelle influence elles ont même dans le domaine de la politique.

Le Gouverneur général actuel, M. Long, lui, a un nom prédestiné ; il est « le dragon » et son dernier exploit de chasse dans le Lang-biang, que vous avez peut-être lu dans les journaux, ajoute encore à sa gloire ; il est le dragon qui a tué le tigre.

Pour ces raisons, il n'est pas toujours bon de transcrire directement et tels quels du français des noms propres qui n'ont pas une phonétique agréable aux oreilles annamites ; il faut leur trouver des mots sino-annamites d'une prononciation à peu près semblable et, si possible, ayant par surcroît un beau sens. Ainsi, nous transcrivons le nom de Napoléon par trois mots sino-an-

cũ, triều-định được tin ấy, các quan Co-mật-dại-thần hỏi ông quan tời vừa nói đó rằng tên quan Toàn-quyền mới là gì. Ông quan trả lời : « Tèn là DOUMER. » Các quan Co-mật là những bậc lão-thần, không biết tí tiếng Pháp nào, nhìn nhau lấy làm lạ lắm, nói : « Ông Đu-me, ông Đu-me, không có lẽ quan Toàn-quyền mà lại tên như thế, không có lẽ thế được. » Vì rằng tên DOUMER mà đọc ra tiếng An-Nam (Đu-me), thì lơ-lơ giống như một tiếng chửi rất thô-tục, chỉ kẻ mặt-hạng hạ-lưu mới nói đến. Một cái tên như thế thì người An-Nam cho là có nghĩa xấu-xa lắm. Bởi thế nên ông quan kia biết tiếng Pháp cố nói rằng chính tên quan Toàn-quyền mới là thế, các cụ lão-thần không chịu nghe. Sau bàn định đặt cho quan DOUMER một cái tên khác nhã hơn và không có nghĩa xấu như thế. Tìm được hai chữ nho : *Đô-mĩ*, nghĩa là toàn đẹp. Thế là quan DOUMER được toàn danh-dự, và cái cầu 1.800 thước của ngài bắc trên sông Hồng-hà bây giờ còn gọi tên là « Cầu Đô-mĩ » (nghĩa là cầu toàn đẹp).

Các ngài xem câu thí-dụ đó thì biết cái thanh-âm cũng quan-hệ lắm, và ảnh-hưởng đến cả việc chính-trị vậy.

Như quan Toàn-quyền bây giờ, tên ngài là LONG, là điềm bay lắm. Long là rồng, và mới rồi ngài đi săn ở Lâm-viên bắn được con hổ, các nhật-trình thuật việc đó chắc các ngài đã biết, tức là điềm rồng giết được hổ vậy.

Bởi các lẽ đó, nhiều khi gặp những tên tây mà âm-vận không hợp với tai người An-Nam, thì không nên dịch âm thẳng y như tiếng tây ra ; phải tìm những chữ nho nào đọc hơi giống như thế, và lại cố tìm cho nó có cái nghĩa hay nữa. Như tên vua NAPOLEON, chúng tôi dịch ra ba chữ nho là *Nữ-phá-luân*, nghe nó cũng kêu

namites : *Nã-phá-luân*, qui sonnent très bien et ont un accent vraiment guerrier qui sied à merveille. De même le nom de Washington (*Hoa-thịnh-đồn*) a aussi une phonétique très agréable. Et le nom de Paris qui se transcrit par *Pha-lê-thành* (la ville de Cristal) est aussi on ne peut mieux choisi.

Quant aux autres noms, pour ne pas créer de complications, nous adoptons purement et simplement l'orthographe et la prononciation françaises ; nous disons : Verdun, Douaumont, Nice, Marseille, etc. .

La langue annamite n'emprunte pas seulement au français une grande partie de son vocabulaire scientifique et la presque totalité de ses noms propres d'histoire et de géographie. Votre langue, par ses dons de clarté et d'harmonie, par la logique de sa syntaxe et l'ordonnance de son style qui en font l'une des créations les plus parfaites de l'esprit humain, agit encore sur la langue annamite en évolution d'une façon plus intime, plus interne, si je puis ainsi dire. Si une partie de notre vocabulaire dérive encore du chinois, la contexture même de notre langue se ressent de plus en plus du français. Et cela n'a rien d'étonnant, puisque presque tous les novateurs annamites qui travaillent à la renaissance de la langue nationale sont en même temps des francisants qui ont appris à connaître et à goûter le charme et les finesses de votre belle langue française.

Telle est, rapidement esquissée, l'évolution actuelle de la langue annamite. Elle est, comme vous le voyez, assez intéressante et mérite d'être mieux connue qu'elle ne l'a été jusqu'ici.

Messieurs,

Quand deux hommes ne s'entendent pas, vous dites qu'ils ne parlent pas la même langue. Nous disons, nous aussi, « *ngôn-ngữ bất-đồng* » (on n'a pas le même langage). Il en est ainsi des individus, à plus

lâm và có cái giọng hùng-tráng hợp với một vị vua thiện-chiến. Lại tên WASHINGTON dịch là *Hoa-thịnh-đồn*, đọc cũng dễ nghe lắm. Lại thành Paris dịch là *Pha-lê-thành*, thật cũng khéo chọn có ý-tử lắm.

Còn những tên khác, muốn cho khỏi phiền, thời chúng tôi cứ viết theo đọc theo như chữ Pháp thôi, như : *Verdun, Douaumont, Nice, Marseille*, v. v.

Tiếng An - Nam không những là mượn của tiếng Pháp một phần nhiều những danh-từ về các khoa-học và hầu-hết các tên về lịch-sử địa-dư. Văn-tự của qui-quốc vừa sáng-suốt, vừa êm-ái, phép đặt câu đã nhắm lẽ, cách hành-văn lại nghiêm-chỉnh, thật là một cái công-trình tuyệt-tác của trí-luệ người ta, lại còn ảnh-hưởng đến tiếng An-Nam dương tiến-hóa một cách sâu-xa hơn nữa. Tuy những danh-từ của tiếng chúng tôi một phần là ở chữ nho ra, nhưng cái thể-cách văn-từ dần-dần theo như văn qui-quốc. Cái đó cũng không lấy gì làm lạ, vì hầu-hết những người trong nước chúng tôi, hiện dương gia-công cải-cách chấn-hưng cho tiếng nước nhà, là những người thông chữ Pháp cả, đã từng biết thưởng-thức cái tinh-vi, cái phong-thú của tiếng - nói tốt-đẹp của qui-quốc.

Ấy tôi gọi là phác-họa qua sự tiến-hóa của tiếng An-Nam hiện bây giờ. Các ngài xem sự tiến-hóa ấy cũng là hay và đáng cho thiên-hạ biết hơn là từ trước đến giờ.

Thưa các Ngài,

Khi nào hai người không đồng-ý nhau, thời các ngài nói rằng hai người ấy không nói một thứ tiếng. Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi nói rằng : *ngôn-ngữ bất-đồng*. Người riêng đối với

forte raison en est-il des peuples. Pour bien pénétrer la mentalité d'un peuple, pour pouvoir sympathiser avec lui, rien ne vaut la connaissance de sa langue. C'est là, je le sais, une vérité bien banale, qu'il ne convient pas de répéter dans ce sanctuaire de la science où des maîtres distingués enseignent à des auditeurs d'élite la connaissance théorique et pratique de presque toutes les langues d'Orient. Si je me permets de la rappeler ici, c'est que je voudrais engager ceux de mes auditeurs qui se spécialisent dans l'étude de l'annamite, de suivre de plus près cette évolution actuelle de notre langue, de ne pas se contenter d'apprendre la langue courante, mais aussi la langue littéraire, et pour bien la connaître, d'étudier un peu les caractères chinois qui sont, je le répète encore, à l'annamite ce qu'est le latin au français. Je suis sûr que cette étude d'une langue en pleine évolution les intéressera, les passionnera même, et je ne doute pas qu'ils y reconnaîtront avec plaisir la marque indéniable de l'esprit français, le cachet du génie civilisateur de la France.

PHẠM QUỲNH

nhau còn thế, hưởng chi các dân-tộc. Muốn hiểu tâm-tính người một nước, muốn cảm-tình với người nước ấy, không gì bằng biết tiếng của họ. Tôi cũng biết rằng đó là một lẽ cố-nhiên, không lạ gì, không cần phải nhắc lại ở chốn này, là một sở học cao-nghiêm, có biết bao nhiêu những bậc danh-sư dạy cho những người tài-tuấn biết hiểu biết nói hầu-hết các thứ tiếng của Đông-phương. Tôi mạn phép nhắc lại đây, là vì tôi muốn mời các ngài tới nghe tôi đây, ngài nào chuyên-trị về tiếng An-Nam, nên chú-ý về sự tiến-hóa của tiếng chúng tôi hiện bây giờ, không nên chỉ học tiếng nói mà thôi, lại nên học văn-chương nữa, và muốn cho hiểu rõ văn-chương ấy thì phải học một ít chữ nho, vì tôi xin nhắc lại rằng chữ nho ấy đối với tiếng An-Nam cũng tức như chữ latin đối với tiếng Pháp vậy. Tôi chắc rằng các ngài gia-công nghiên-cứu một thứ tiếng đương tiến-hóa như thế, không gì hay bằng, không gì thú bằng, và cũng chắc rằng các ngài xét kỹ sẽ vui-vẻ mà nhận ra trong tiếng ấy như có cái dấu-vết của tinh-thần nước Pháp, của cái công khai-hóa văn-minh của qui-quốc vậy.

Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

Pháp-văn hợp-thái

(dịch ra quốc-âm)

Le privilège de la littérature française (1)

...Si les mœurs du peuple français manquent d'originalité, son esprit est des plus remarquables, et si son expérience politique a été petite, son activité intellectuelle a été

Cái đặc-sắc của văn-chương nước Pháp

... Phong-tục nước Pháp đâu không có đặc-sắc, mà trí-tuệ nước Pháp thật là lỗi-lạc; sự từng-trải về chính-trị của nước Pháp đâu có

(1) Extrait des *Libres opinions morales et historiques (Essais sur l'époque actuelle)* de E. MONTÉGUT, pp. 28-29.

immense. C'est par là qu'il doit être jugé. Le Français peut abdiquer ses droits et se tenir à l'écart des affaires qui touchent à ses intérêts, mais jamais il n'a renoncé et ne renoncera, je l'espère, à ses droits de citoyen du royaume de l'esprit. Le droit d'initiative auquel il renonce si facilement dans la vie pratique, il l'exerce avec audace dans les choses de l'intelligence. Toujours on l'a vu, passionné pour des théories et des systèmes, raffiner sur les idées qui lui étaient familières, chercher de nouvelles combinaisons intellectuelles, découvrir de nouveaux horizons philosophiques. Les littératures de tous les autres peuples offrent des lacunes; elles jettent un moment d'éclat, et puis s'éteignent pour renaître quelques siècles plus tard, ou même pour ne plus renaître du tout; elles subissent en quelque façon le sort des êtres animés qui ont une existence bornée, et dans cette existence deux ou trois courtes périodes de rayonnement; elles sont le produit de la vie nationale, qui, à un moment donné, rassemble toutes ses forces pour donner une expression complète d'elle-même. La littérature française n'offre aucun de ces caractères; c'est un phénomène particulier dans l'histoire générale des littératures. Elle n'a pas de lacunes, et depuis le XII^e siècle à nos jours, il n'y a pas eu chez nous un instant d'interruption dans le mouvement des esprits. Il n'y a pas non plus, quoiqu'on dise, d'époque qui résume plutôt qu'une autre la vie intellectuelle de notre nation. Toujours variée et toujours changeante dans ses évolutions, notre littérature procède par métamorphoses, par contrastes, et se donne à elle-même un continuel démenti. A la littérature chevaleresque succède la littérature des fabliaux, qui en est la contre-partie. La riche littérature du XVI^e siècle, hardie et tumultueuse, ne laisse en rien pressentir la littérature orthodoxe de l'époque de Louis XIV, qui elle-même a eu pour héritière l'hétérodoxe littérature du XVIII^e siècle, avec ses impiétés et sa philanthropie passionnée.

nhỏ-hẹp, mà sự hoạt-dộng về tinh-thần thật là to-rộng. Muốn xét nước Pháp phải xét về mặt đó. Người Pháp có thể bỏ quyền-lợi của mình, có thể đứng ra ngoài những công việc quan-hệ đến quyền-lợi mình, nhưng xưa nay không bao giờ bỏ, mà tôi chắc sau này cũng không bao giờ bỏ cái quyền làm người dân nước thông-minh. Cái quyền xông-suất về đường thực-tế thì sẵn lòng nhường bỏ, mà về đường tinh-thần thì lại cả-quyết thi-hành. Bao giờ cũng thấy ham - mê những sự nghĩa - lý, nghiên - ngẫm những cái tư-tưởng mình sở-thích, tìm - tòi những cách kết-cấu mới về đường trí-thức, phát-minh những cái lý-thuyết mới về đường triết-học. Văn-học của các dân-tộc khác đều có khuyết-diểm cả; rục-rở một hồi, rồi tắt đi, cách mấy trăm năm lại phục-hưng, hay là cũng có khi diệt hẳn không phục-hưng nữa; khác nào cũng như các giống sinh-vật sinh-tồn có hạn, trong hạn một đời, được vài ba hồi ngắn-ngắn là được rục-rở; những văn-chương ấy tức là kết-quả của sự sinh-hoạt của các nước ấy, trong cuộc sinh-hoạt có một hồi như thu-thập cả toàn-lực lại để mà phát-siêu cái tinh-thần ra cho được hoàn - toàn. Văn-học nước Pháp thì không có cái tinh-cách như thế; thật là một cái hiện-tượng đặc-biệt trong lịch-sử chung các văn-chương. Văn-học Pháp không có khuyết-diểm; tự thế-kỷ thứ 12 cho đến ngày nay, cái tinh-thần trong nước không có một hồi nào là gián-đoạn. Và tuy có người tưởng như thế, nhưng không có một thời-dại nào là hơn, thời-dại nào mà gồm được hết cái tinh-thần trong nước. Văn-học của nước Pháp thiên-biến vạn-hóa, thay đổi luôn và trước sau trái nhau hẳn như thường thường tự-phản-đối mình vậy. Hết một hồi văn-chương hào hiệp, đến một hồi văn-

Notre littérature, à toutes les époques, a été plutôt un libre produit de l'activité des esprits qu'un produit spontané et fatal des instincts nationaux, et elle a participé ainsi des privilèges de l'intelligence : la liberté, le mouvement, la durée, l'incessant rajeunissement. Elle présente l'image d'une âme en travail sur elle-même, croyante à certaines heures, sceptique à certaines autres, s'épuisant en combinaisons ingénieuses qu'elle brise aussitôt qu'elle en a découvert le côté défectueux, tandis que les autres littératures présentent plutôt l'image de l'alchimie de la nature, qui procède par amalgames, affinités fatales, et qui épuise la matière et le temps pour former une création qui ne durera qu'un jour. Il y a de l'analogie entre le plaisir que font éprouver les œuvres littéraires des autres pays et le plaisir que fait éprouver la vue d'un beau paysage ou la contemplation d'un visage humain ; mais la littérature française ne traîne après elle aucune enveloppe de chair et de sang, et le plaisir qu'elle procure ne peut être senti que par l'intelligence. C'est la littérature du pur esprit, et sa grande préoccupation a toujours été la défense des droits de l'intelligence. De là vient qu'elle a été considérée à juste titre comme une des armes principales du progrès moderne.

E. MONTÉGUT

EMILE MONTÉGUT, 1825-1895. Critique littéraire à la *Revue des Deux Mondes* de 1857 à 1852. Traducteur d'EMERSON, de SHAKESPEARE et de MACAULAY. Un des « essayistes » les plus informés et les plus pénétrants du 19^e siècle. Auteur de : *Libres opinions* (1858), *Tableau de la France* (1876), *Essais sur la Littérature anglaise* (1883).

chương ngu-ngôn, trái hẳn lại. Văn-chương về thế-kỷ thứ 16, phong-phú như thế, mạnh-bạo và hỗn-độn như thế, thật không có gì là triệu-trẫm ra cái văn-chương chính-thống về đời vua Louis thứ 14, mà kế-tiếp cái văn-chương chính-thống ấy lại là cái văn-chương bác-tạp về thế-kỷ thứ 18, phản-đối với tôn-giáo mà nhiệt-thành yêu nhân-loại. Văn-chương nước Pháp về thời-đại nào cũng vậy, tức là cái kết-quả tự-do của sự hoạt-động trong trí-não người ta, hơn là cái kết-quả tự-nhiên và tất-yếu của cái sức sinh-hoạt của quốc-gia, của xã-hội, bởi thế nên được hưởng những cái đặc-quyền của trí-tuệ, là sự tự-do, sự hoạt-động, sự sinh-tồn vĩnh-viễn mà sáng-tạo vô-cùng. Hình-ảnh cái văn-chương ấy là hình-ảnh một cái linh-hồn động-tác luôn, lúc thời giốc lòng tin-nguỡng, lúc thời ưu-du hoài-nghi, hết sức khôn-khéo mà bày-đặt ra, nhưng hề thấy có điều khuyết-diễm thì lại phá đi ngay ; chứ như văn-chương các nước khác thời là hình-ảnh sự tiến-hóa của tạo-vật, điều-hòa hóa - hợp các chất có thanh-khí với nhau, mà sự điều-hòa ấy là tất-nhiên phải như thế, không thể khác được, rút lại là khảm cái sức của vật-chất và của thời-giờ để gây ra một cái công-trình chỉ bền được một ngày vậy. Đọc sách văn-chương của các nước, có một cái thú giống như cái thú ngắm bức phong-cảnh đẹp, hay nhìn cái mặt người mỹ-nhân ; văn-chương Pháp thời không thế, văn-chương Pháp hình như không có một tí vật-chất nào, cái thú của nó chỉ lấy trí-tuệ mới cảm được. Văn-chương ấy là văn-chương thuần-trí, chỉ lấy sự bênh-vực cho quyền-lợi của trí-tuệ làm nhiệm-vụ vậy. Bởi thế nên người ta thường cho văn-chương nước Pháp là một cái lợi-khí của sự tiến-bộ đời nay, thật cũng là đáng vậy.